

UBND TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên ngành, nghề: KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH

Mã ngành, nghề: 5480102

Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học cơ sở hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp ngành Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin như: kỹ thuật sửa chữa máy tính căn bản và nâng cao; lắp ráp, cài đặt, sửa chữa máy tính; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với các công nghệ mới.

Học sinh tốt nghiệp có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp được đào tạo vào thực tế công tác; có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học liên thông lên Cao đẳng, Đại học cùng ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học sinh có khả năng:

1.2.1 Về kiến thức:

- + Nắm vững các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin
- + Có đủ kiến thức về khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì máy vi tính.
- + Có đủ năng lực để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong máy vi tính.

1.2.2. Về kỹ năng:

- + Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì máy vi tính.
- + Sửa chữa, bảo dưỡng các thành phần và thiết bị ngoại vi của máy vi tính.
- + Có năng lực kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn.
- + Có tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc của mình
- + Có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn tiếp tục học lên trình độ cao hơn

1.2.3. Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp:

- Chính trị, đạo đức :

- + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
 - + Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Công nghệ thông tin Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;
 - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;
 - + Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.
- Thể chất và quốc phòng:
- + Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
 - + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
 - + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
 - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Học sinh tốt nghiệp làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: **25**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **60** Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **255** giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1245** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **379** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1062** giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I.	Các môn học, mô đun chung	12	255	94	148	13
DT5001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DT5002	Pháp luật	1	15	9	5	1
DT5003	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DT5004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
DT5005	Tin học	2	45	15	29	1
DT5006	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn					
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	12	285	75	198	12
TH5101	Quản trị CSDL với MS Access	3	75	15	57	3
TH59902	Khai thác Internet	2	45	15	28	2
TH59904	Lập trình căn bản	3	75	15	57	3
TH5104	Kỹ thuật đo lường	2	45	15	28	2
TH5105	Kỹ thuật điện tử	2	45	15	28	2
<i>II.2.</i>	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	36	870	210	624	36
TH59903	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3	75	15	57	3
TH5107	Xử lý sự cố phần mềm	2	45	15	28	2
TH59905	Mạng máy tính	2	45	15	28	2
TH5109	Sửa chữa máy tính	5	120	30	85	5
TH5110	Sửa chữa bộ nguồn	3	75	30	55	5
TH5111	Kỹ thuật sửa chữa màn hình	2	45	15	28	2
TH5112	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	3	75	15	57	3
TH5113	Sửa chữa máy tính nâng cao	5	120	30	85	5
TH59910	Xử lý ảnh với Photoshop	3	75	15	57	3
TH5115	Thiết kế đồ họa với Corel	2	45	15	28	2
TH59901	Hệ điều hành mã nguồn mở	2	45	15	28	2
TN5000	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120	0

Tổng cộng	60	1500	379	1062	59
------------------	-----------	-------------	------------	-------------	-----------

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo:

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

+ Thời gian đào tạo: 1,5 năm đến 2 năm

+ Thời gian học tập: 87 tuần

+ Thời gian thực học tối thiểu: 1.500 giờ

+ Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô-đun: 74 giờ

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô-đun:

Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,0 trở lên.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.

- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:

- + Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1
- + Kiểm tra định kỳ: hệ số 2
- + Điểm trung bình kiểm tra = $[\text{kiểm tra thường xuyên} + (\text{kiểm tra định kỳ} * 2)]/3$
- + Thi kết thúc môn học
- + Điểm TB cuối môn = $(\text{trung bình kiểm tra} * 0.4) + (\text{Điểm thi kết thúc môn học} * 0.6)$

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (thang điểm 10)	Điểm môn học (quy ra điểm chữ)	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0

0,0 – 3,9	F	0,0
-----------	---	-----

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện Chương II (Điều 19 – 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định, có đủ điều kiện thì sẽ được xét công nhận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2020

TM. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TM. TỔ BIÊN SOẠN

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG